

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư là: Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức
E-ĐKC 1.5	Công trình: Chuyển đổi nhiên liệu tổ máy hơi nước S2
E-ĐKC 1.8	Công trường là khu vực tại Km số 09 Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, (Phường Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.
E-ĐKC 1.13	Ngày hoàn thành là: 94 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 1.14	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 94 ngày .
E-ĐKC 1.15	Ngày khởi công là: Muộn nhất 07 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công.
E-ĐKC 1.16	Nhà thầu là:
E-ĐKC 1.27	Tư vấn giám sát là: Công ty Cổ phần đầu tư ENTECH
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
E-ĐKC 2.3 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: - Hồ sơ thiết kế, các tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có). - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu sẽ phải nộp một Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư. - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng là bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và phải do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, theo mẫu đã quy định trong hợp đồng. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 02% giá hợp đồng, tương ứng số tiền: đồng (Bằng chữ:). - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm một trong các thỏa thuận ghi trong hợp đồng;

	<ul style="list-style-type: none"> + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Bên B; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của hợp đồng;
E-ĐKC 5.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực sau 28 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 05% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền: đồng (Bằng chữ:). - Bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành không hủy ngang, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. - Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành Giấy chứng nhận/Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. - Giá trị bảo lãnh bảo hành không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng bao gồm cả trường hợp giá trị hợp đồng phát sinh tăng, giảm (nếu có). - Trong thời gian bảo hành công trình Bên B phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thi công trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên A về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Bên B không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên A có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên B và thông báo cho Bên B giá trị trên, Bên B buộc phải chấp thuận giá trị trên. Thời gian bảo hành được tính gia hạn lại 12 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư chấp nhận nghiệm thu nội dung sửa chữa bảo hành. Khi đó hai bên sẽ tính toán, ký Văn bản sửa đổi hợp đồng phần khối lượng, giá trị phải bảo hành, sửa chữa để làm căn cứ thực hiện bảo lãnh bảo hành tương ứng.
E-ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ:
E-ĐKC 7.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện:
E-ĐKC 7.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:
E-ĐKC 14	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm hàng hoá vận chuyển, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho các rủi ro của Nhà thầu. Chủ đầu tư không kiểm soát và không chịu trách nhiệm trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện đầy đủ trách nhiệm về bảo hiểm đối với các rủi ro của nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành.
E-ĐKC 15	Thông tin về Công trường là: Tổ máy hơi nước S2
E-ĐKC 18	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Sau khi nhận bàn giao mặt bằng.

E-ĐKC 21.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải.</p> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải thì sẽ được giải quyết thông qua Tòa án có thẩm quyền.</p> <p>Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí.</p> <p>Thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 22	<p>- Ngày khởi công: Muộn nhất là 02 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công.</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: 94 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.</p>
E-ĐKC 23.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày từ ngày ký hợp đồng.
E-ĐKC 23.4	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 30 ngày 1 lần.</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 10% giá trị trong kỳ thanh toán gần nhất.</p>
E-ĐKC 24.3	Các trường hợp khác (nếu có): Áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 27.2	* Vật tư, thiết bị (VTTB), máy móc: Theo quy định của Chương V, E-HSMT.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 33	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 34.1	Giá hợp đồng: đồng, đã bao gồm thuế GTGT và toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có).
E-ĐKC 35.1	<p>- Giá trị tạm ứng: Tối đa 30% giá trị hợp đồng.</p> <p>Thanh toán tiền tạm ứng: trong vòng 20 ngày làm việc khi có đủ hồ sơ thanh toán bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng và có nội dung theo quy định ở Chương VIII E-HSMT, Mục 35.1 E-ĐKC. 2. Hợp đồng có hiệu lực. 3. Giấy đề nghị tạm ứng.
E-ĐKC 37.1	<p>- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.</p> <p>Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo quy định tại E-ĐKC 37.1 dựa trên đề</p>

	<p>ngợi của bên B và căn cứ vào biên bản quyết toán khối lượng hợp đồng (bao gồm cả tạm ứng). Bên A có trách nhiệm xem xét và thực hiện thủ tục thanh toán cho bên B sau khi nhận được các hồ sơ do Bên B lập, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công văn đề nghị thanh toán; + Hóa đơn GTGT; + Biên bản quyết toán hợp đồng; + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có đại diện bên A, B ký và đóng dấu; + Chứng chỉ chất lượng xuất xưởng được ban hành bởi Nhà sản xuất hàng hóa; + Chứng nhận xuất xứ (CO) đối với hàng nhập khẩu; + Chứng nhận bảo hành của Nhà sản xuất hoặc Nhà cung cấp (nếu có); + Bảo lãnh bảo hành có giá trị 5% giá trị hợp đồng; <p>*) Thời hạn thanh toán</p> <p>Bên A sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên B</p> <p>*) Quyết toán và thanh lý hợp đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết toán hợp đồng <p>Trong vòng 30 ngày sau khi ký biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, Bên B sẽ trình cho Bên A 07 (Bộ) quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên A đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành đưa vào sử dụng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có)); + Biên bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng; + Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B; + Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình; + Các tài liệu khác theo thỏa thuận phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).
E-ĐKC 38	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép điều chỉnh Thuế.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), hai bên sẽ thương thảo, ký Phụ lục hợp đồng điều chỉnh thực hiện theo đúng mức thuế suất quy định của pháp luật tại thời điểm.</p>
E-ĐKC 39.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 05% (áp dụng trong trường hợp Nhà thầu không nộp bảo lãnh bảo hành).</p>
E-ĐKC 40.1 (d)	<p>* Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p>

	<p>- Giá hợp đồng được điều chỉnh đối với những khối lượng công việc thay đổi tăng, giảm so với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký, cụ thể như sau:</p> <p>+ Khi phát sinh khối lượng công việc bổ sung hợp lý đã có đơn giá trong hợp đồng đã ký, các bên tham gia hợp đồng thống nhất áp dụng đơn giá trong hợp đồng để làm căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng tương ứng.</p> <p>+ Đối với khối lượng công việc không phải thực hiện theo hợp đồng đã ký, các bên tham gia hợp đồng thống nhất áp dụng đơn giá trong hợp đồng để làm căn cứ điều chỉnh giảm giá hợp đồng tương ứng.</p> <p>+ Khi phát sinh khối lượng công việc bổ sung hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký mà chưa có đơn giá trong hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá công việc này trước khi thực hiện. Việc xác định đơn giá mới được thực hiện trên cơ sở các Thông tư, hướng dẫn, định mức về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại thời điểm phát sinh. Hai bên ký kết Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho phần khối lượng và giá trị công việc này trước khi thực hiện để làm cơ sở cho việc thanh toán khối lượng phát sinh và toàn bộ hợp đồng.</p> <p>+ Không điều chỉnh giá đối với những khối lượng công việc phát sinh do lỗi chủ quan của Bên B.</p> <p>- Các trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, bất khả kháng khác (như: khi thi công gặp hang casto, túi bùn, cỏ vật, khảo cổ) mà các bên không lường trước được khi ký hợp đồng. Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng được xác định căn cứ vào Điều kiện thực tế, Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Có thể áp dụng đơn giá trong hợp đồng đã ký kết; hoặc đơn giá xác định theo nguyên tắc thỏa thuận về đơn giá mới cho khối lượng công việc bổ sung, phát sinh bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng. Khi đó các bên tổng hợp, báo cáo và phải được Người quyết định đầu tư chấp thuận.</p> <p>* Trường hợp sau khi công trình được nghiệm thu, hoàn thành không sử dụng hết vật tư/hàng hóa cung cấp, Chủ đầu tư sẽ làm thủ tục trả lại vật tư/hàng cho Nhà thầu. Hai bên sẽ bù trừ giá trị trả hàng vào giá trị quyết toán, thanh lý hợp đồng tại thời điểm trả hàng trên cơ sở khối lượng trả lại và đơn giá hợp đồng đã ký.</p>
E-ĐKC 42.1	<p>Mức phạt:</p> <p>- Do vi phạm chất lượng công trình: Bên B phải chịu mọi chi phí để thực hiện lại công việc không đạt chất lượng và mức phạt là 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm chất lượng.</p> <p>- Do chậm tiến độ:</p> <p>+ Chậm trễ 06 ngày đầu phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm;</p> <p>+ Chậm trễ 10 ngày tiếp theo phạt thêm 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm;</p> <p>+ Tổng số tiền phạt do không hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm, tương ứng với thời gian chậm trễ 56 ngày. Trường hợp chậm trễ tiến độ quá 56 ngày chủ đầu tư sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. - Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng. - Trường hợp Nhà thầu không thực hiện các dịch vụ liên quan ngay khi có mặt bằng, đủ điều kiện thi công, đảm bảo tiến độ đóng điện dự án. Thì Chủ đầu tư có quyền thuê đơn vị thứ 3 thực hiện các công việc còn lại, mọi chi phí thực tế phát sinh khi thuê đơn vị thứ 3 Nhà thầu phải chịu và chi phí này được khấu trừ trên giá trị giữ lại khi thanh toán của nhà thầu.
E-ĐKC 42.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu gây ra trong quá trình thực hiện hợp đồng, như các lỗi/vi phạm về: Quản lý chất lượng công trình, an toàn thông tin trong quản lý và sử dụng Tài khoản phần mềm Quản lý đầu tư IMIS,...
E-ĐKC 42.3	Thưởng hợp đồng: <i>Không áp dụng.</i>
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 47	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào vận hành.
E-ĐKC 48.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: 30 ngày sau ngày hoàn thành.
E-ĐKC 48.2	Số tiền giữ lại: 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ quy định tại E-ĐKC 48.1.